



**TÀI LIỆU PHỤC VỤ PHIÊN HỌP LẦN THỨ TƯ CỦA BAN CHỈ ĐẠO
CỦA CHÍNH PHỦ VỀ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ,
ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ ĐỀ ÁN 06**

(Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2025)

A. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06

Kể từ sau Phiên họp thứ ba của Ban Chỉ đạo Chính phủ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06, Tổ Công tác triển khai Đề án 06, cải cách TTHC, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 (*Sau đây gọi tắt là Tổ Công tác*) đã tích cực đôn đốc các bộ, ngành, địa phương triển khai, đến nay đã đạt được kết quả như sau:

I. Về tham mưu, chỉ đạo triển khai

1. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 01 Chỉ thị¹, 03 Nghị quyết², 01 Nghị định³ và 01 văn bản đôn đốc⁴ để chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06

2. Bộ Công an

- Đồng chí Tổ trưởng Tổ công tác ký, ban hành 02 văn bản đôn đốc các nhiệm vụ của Nghị quyết số 214/NQ-CP và Đề án 06⁵. Ban hành 03 Thông báo tình hình, kết quả thực hiện Nghị quyết 214/NQ-CP hàng tuần để đôn đốc các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, thúc đẩy các nhiệm vụ được giao⁶.

- Đồng chí Tổ phó Thường trực Tổ công tác: ⁽¹⁾ Ban hành 03 Tờ trình⁷ báo cáo Thủ tướng Chính phủ và 02 Kế hoạch⁸ về thực hiện các nhiệm vụ của Đề án 06. ⁽²⁾ Công văn số 3360/BCA-C06 ngày 28/7/2025 về việc cử đại diện tham gia tổ soạn thảo nghị định sửa đổi bổ sung nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024. ⁽³⁾ Chủ trì Hội nghị sơ kết 01 năm triển khai thu nhận mẫu ADN cho nhân thân của liệt sĩ chưa xác định được danh tính (*ngày 25/7/2025*).

- Cơ quan thường trực Tổ Công tác (*Bộ Công an*) đã ban hành các văn bản đôn đốc các Bộ, ngành triển khai thực hiện các nhiệm vụ, cụ thể: ⁽¹⁾ Ban hành các

¹ Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 13/9/2025 thúc đẩy triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ người dân và doanh nghiệp gắn với dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử

² (1) Nghị quyết số 230/NQ-CP ngày 10/8/2025 về Phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 7/2025. (2) Nghị quyết số 214/NQ-CP về Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện. (3) Nghị quyết 04/2025/NQ-CP ngày 20/8/2025 về tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai các dự án, nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

³ Nghị định số 231/2025/NĐ-CP ngày 26/8/2025 quy định về tuyển, sử dụng Tổng công trình sư, Kiến trúc sư trưởng về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

⁴ Công văn số 1049/TTg-KSTT ngày 15/8/2025 đôn đốc triển khai có hiệu quả Nghị quyết 214/NQ-CP

⁵ Công văn số 3414/BCA-C06 đôn đốc các bộ, ngành triển khai Nghị quyết 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 và Công văn số 4257/TCT ngày 21/9/2025 về việc thúc đẩy triển khai các nhiệm vụ của Nghị quyết số 214 và Đề án 06 trong thời gian tới

⁶ Thông báo 61/TB-TCT, ngày 4/8/2025; Thông báo 62/TB-TCT ngày 11/8/2025; Thông báo số 65/TB-TCT, ngày 20/8/2025.

⁷ (1) Văn bản số 3590/BCA-C06, ngày 11/8/2025 đề xuất ban hành Quyết định quy định về định danh địa điểm. (2) Tờ trình số 465/TTr-BCA-C06, ngày 11/8/2025 đề xuất ban hành Chỉ thị thúc đẩy triển khai các giải pháp công nghệ phục vụ người dân và doanh nghiệp gắn với dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử. (3) Tờ trình số 501/TTr-BCA-C06, ngày 25/8/2025 đề xuất ban hành Nghị quyết đẩy mạnh triển khai đấu giá tài sản trực tuyến

⁸ (1) Kế hoạch số 481/KH-TCT ngày 08/8/2025 về triển khai định danh tàu thuyền trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. (2) Kế hoạch số 502/KH-BCA-C06, ngày 22/8/2025 triển khai thực hiện Nghị quyết 214/NQ-CP trong Công an nhân dân

văn bản để phối hợp, đơn đốc các đơn vị triển khai hiệu quả các nhiệm vụ của Đề án 06⁹.⁽²⁾ Tham mưu đồng chí Thứ trưởng Nguyễn Văn Long đã làm việc với 11 bộ ngành¹⁰ để thúc đẩy triển khai xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành trong năm 2025 theo Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 và Nghị quyết 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

3. Văn phòng Chính phủ ban hành Thông báo số 408/TB-VPCP ngày 08/8/2025 kết luận Phiên họp lần thứ ba Ban Chỉ đạo của Chính phủ về phát triển KHCN, ĐMST, CDS và Đề án 06. Tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Công điện¹¹, 03 Quyết định¹² để triển khai có hiệu quả Đề án 06.

II. Về hoàn thiện thể chế

Các bộ, ngành chủ động ban hành và tham mưu các cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật phục vụ triển khai Đề án 06:⁽¹⁾ Bộ Tài chính có Tờ trình số 510/TTr-BTC ngày 22/8/2025 Báo cáo Thủ tướng Chính phủ tại về Đề án.⁽²⁾ Bộ Công an ban hành Kế hoạch số 451/KH-BCA-C06 ngày 28/7/2025 về xây dựng nghị định sửa đổi bổ sung một số điều của nghị định số 69/2024/NĐ-CP ngày 25/6/2024 của chính phủ quy định về định danh và xác thực điện tử.⁽³⁾ Bộ Tư pháp đã hoàn thành nhiệm vụ thẩm định và phối hợp tham gia ý kiến với các Đề án, văn bản của các bộ, ngành¹³.

III. Công tác cải cách TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

1. Về cải cách quy định thủ tục hành chính

⁹ (1) Công văn số 4854/C06-TTDLDC ngày 16/7/2025 gửi Vietjet, VnAirline, Tổng Công ty hàng không về việc tăng cường phối hợp đẩy mạnh Kế hoạch triển khai giải pháp ứng dụng định danh, xác thực điện tử và nhận diện sinh trắc học phục vụ làm thủ tục lên tàu bay. (2) Công văn số 4847/C06-TTDLDC ngày 17/7/2025 gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Hà Nội về việc tham gia ý kiến dự thảo phương án "Thí điểm không công chứng, chứng thực trong giao dịch bất động sản trên địa bàn TP Hà Nội". (3) Công văn số 5054/C06-TTDLDC ngày 21/07/2025 gửi Tập đoàn viễn thông quân đội, Tập đoàn điện lực VN, Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, Tổng công ty đường sắt VN, Chi cục thuế khu vực I về việc Khảo sát nhu cầu tích hợp tiện ích, giấy tờ lên VneID. (4) Công văn số 5349/C06-TTDLDC ngày 31/7/2025 gửi Cục Hải Quan, Bộ Tài chính về việc Phối hợp triển khai, kết nối hệ thống truy xuất nguồn gốc hóa chất, tiền chất.

¹⁰ Bộ Tư pháp, Bộ Xây dựng, Toà án Nhân dân Tối cao, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Nội vụ, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao, Bộ Dân tộc và Tôn giáo. Làm việc với Bộ Tài chính thống nhất phương án triển khai xây dựng Bộ chỉ số đánh giá mức độ vận hành, tăng trưởng doanh nghiệp và tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp hệ thống theo dõi, giám sát đầu tư công

¹¹ Công điện số 111/CĐ-TTg ngày 17/7/2025 về tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện TTHC, chuyển đổi số giai đoạn đầu vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp

¹² (1) Quyết định số 1751/QĐ-TTg ngày 18/8/2025 phê duyệt Chiến lược dữ liệu tại Trung tâm dữ liệu quốc gia. (2) Quyết định số 25/2025/QĐ-TTg ngày 22/7/2025 quy định về xây dựng cơ sở dữ liệu và chế độ báo cáo trực tuyến trên Hệ thống trong giám sát, đánh giá các chương trình mục tiêu quốc gia. (3) Quyết định số 1562/QĐ-TTg ngày 18/7/2025 về việc bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước trong hoạt động chuyển đổi số của cả hệ thống chính trị

¹³ (i) Góp ý dự thảo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc thúc đẩy triển khai giải pháp công nghệ phục vụ người dân và doanh nghiệp gắn với dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử (Công văn 4304/BTP-CNTT ngày 18/7/2025); (ii) Góp ý dự thảo Tờ trình và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án tích hợp các hệ thống camera giám sát với Trung tâm điều hành thông minh cấp tỉnh và kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư gửi Bộ Công an (Công văn số 4920/BTP-CNTT ngày 12/8/2025); (iii) Góp ý dự thảo Nghị quyết và Tờ trình Chính phủ phê duyệt Nghị quyết thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện gửi Tổ Công tác Đề án 06 của Chính phủ (Công văn số 3837/BTP-CNTT ngày 27/6/2025); (iv) Góp ý dự thảo Quy chế làm việc của Ban Chỉ đạo quốc gia về dữ liệu gửi Bộ Công an (Công văn số 4850/BTP-CNTT ngày 08/8/2025); (v) Công văn về việc hoàn thiện hồ sơ thẩm định dự thảo Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung (Công văn số 4890/BTP-PLDSKT ngày 11/8/2025)

- Việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư theo 19 Nghị quyết chuyên đề của Chính phủ và thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định, TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp theo Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 11/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ tiếp tục được các bộ, ngành tập trung thực hiện. Tính đến nay, các bộ, ngành đã cắt giảm, đơn giản hóa **1.027/1.084** TTHC¹⁴, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư tại 296 văn bản quy phạm pháp luật¹⁵ (đạt 95%) và **45/108** TTHC liên quan đến Phiếu lý lịch tư pháp (đạt 42%).

- Thực hiện Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án phân cấp **699** TTHC¹⁶, đến nay đã hoàn thành phân cấp **490 / 699** TTHC tại **101** văn bản quy phạm pháp luật¹⁷ (đạt 70%). Còn **209** TTHC tiếp tục phải thực hiện phân cấp tại **69** văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ¹⁸.

- Triển khai thực hiện Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương đã cắt giảm, đơn giản hóa **3.241 / 15.763** quy định QĐKD¹⁹ tại 275 VBQPPL²⁰ (đạt 20,5%), đáp ứng mục tiêu đề ra của Chương trình²¹. Từ tháng 3/2025, triển khai Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ, đến nay, các bộ, cơ quan đã thực hiện cắt giảm **110** TTHC, **118** đăng ký kinh doanh và đơn giản hóa **653** TTHC; **06** bộ, cơ quan²² đã hoàn thành cập nhật, công khai TTHC liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; **05** bộ, cơ quan²³ đã ban hành Quyết định phê duyệt Phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ; **07** bộ, cơ quan²⁴ đã trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt phương án, trong đó phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC thuộc phạm vi quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã Thủ tướng được phê duyệt, **06** bộ, cơ quan còn lại đang tiếp tục bổ sung, hoàn thiện.

2. Về cải cách việc thực hiện thủ tục hành chính

Trong bối cảnh tinh gọn bộ máy hành chính và thúc đẩy chuyển đổi số, Nghị định số 118/2025/NĐ-CP về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã mang đến những thay đổi đột phá về tổ chức và giải quyết TTHC, cung

¹⁴ Còn 57 TTHC thuộc trách nhiệm của các bộ: Giáo dục và Đào tạo (1 TTHC); Công Thương (3 TTHC); Văn hóa, Thể thao và Du lịch (7 TTHC); Khoa học và Công nghệ (17 TTHC); Tài chính (29 TTHC).

¹⁵ Gồm: 08 Luật, 63 Nghị định, 02 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 218 Thông tư.

¹⁶ Chiếm tỷ lệ 13,47% trên tổng số TTHC được rà soát với 232 VBQPPL cần sửa đổi, bổ sung trong giai đoạn 2022-2025

¹⁷ Gồm: 02 Luật, 44 Nghị định, 03 Quyết định của TTgCP, 52 Thông tư.

¹⁸ Gồm: 15 Luật, 19 Nghị định, 05 QĐ của TTgCP, 30 Thông tư, Thông tư liên tịch

¹⁹ Gồm: 1.778 TTHC, 229 yêu cầu điều kiện, 101 chế độ báo cáo, 164 quy chuẩn, tiêu chuẩn và 969 mặt hàng kiểm tra chuyên ngành

²⁰ Gồm: 20 Luật, 81 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 168 Thông tư và 02 văn bản khác

²¹ Mục tiêu cắt giảm, đơn giản hóa ít nhất 20% số quy định và cắt giảm ít nhất 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến QĐKD.

²² Công Thương, Ngoại giao, Nội vụ, Quốc phòng, Tư pháp, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

²³ Các Bộ, cơ quan đã có quyết định phê duyệt gồm: Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Giáo dục và Đào tạo, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Nông nghiệp và Môi trường.

²⁴ 07 bộ, cơ quan gồm: Nông nghiệp và Môi trường; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Xây dựng; Công Thương; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

cấp DVCTT, hướng tới việc nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Bộ phận Một cửa của nhiều bộ, ngành và Trung tâm Phục vụ hành chính công địa phương đã được quan tâm đầu tư, nâng cấp; bố trí quầy tiếp nhận hồ sơ dành riêng cho người già, phụ nữ mang thai, người khuyết tật, người có công với cách mạng; bố trí ki-ốt thông minh hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả. Đồng thời, chú trọng số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, góp phần tiết kiệm chi phí sao in hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC, cụ thể: Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại các bộ, ngành đạt **39,27%** (15.918/40.539 hồ sơ); địa phương đạt **37,83%** (235.660/622.947 hồ sơ). Tỷ lệ hồ sơ cấp kết quả bản điện tử có giá trị pháp lý để tái sử dụng tại các bộ, ngành đạt **39,67%** (16.081 kết quả giải quyết TTHC/40.539 kết quả cần cấp); địa phương đạt **39,60%** (246.687 kết quả giải quyết TTHC/622.947 hồ sơ kết quả cần cấp).

Đến nay, Trung tâm phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã của **34** tỉnh, thành phố đã vận hành theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp theo đúng chỉ đạo, yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trong tháng đầu triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, tổng số hồ sơ tiếp nhận của **34** tỉnh, thành phố là **2.393.306** hồ sơ TTHC, trong đó trực tuyến **1.534.988** hồ sơ (chiếm 64,1%); **858.318** hồ sơ nộp trực tiếp tại Trung tâm (chiếm 35,9%).

Bên cạnh đó, VPCP đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ đưa vào vận hành chính thức Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử²⁵ từ ngày 01/8/2022 với 05 nhóm chỉ số²⁶ giúp kiểm soát thực thi. Về đánh giá chất lượng thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trực tuyến: Bộ Xây dựng (90,63 điểm) và UBND tỉnh Thái Nguyên (87,94 điểm) là hai đơn vị có điểm số đứng đầu cả nước; 02 bộ và 23 địa phương có điểm đánh giá Tốt; 11 tỉnh và 05 bộ có điểm đánh giá Khá; 06 bộ, ngành có điểm đánh giá Trung bình và 02 bộ có điểm đánh giá dưới trung bình.

3. Kết quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến

(1) Đến nay, Cổng dịch vụ công quốc gia đã kết nối, tích hợp với **151** hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị; có **4.788 TTHC** đã tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hơn **590 triệu** hồ sơ đồng bộ; hơn **80 triệu** hồ sơ trực tuyến từ Cổng; hơn **33,9 triệu** giao dịch thanh toán trực tuyến thành công. Các Bộ, ngành đã cung cấp **58/75** dịch vụ công thiết yếu theo Đề án 06, Quyết định 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2023 và Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024. Một số thủ tục hành chính có tỷ lệ hồ sơ trực tuyến cao như: Thông báo lưu trú (97%), Đăng ký cấp biển số xe Ô tô lần đầu (80,5%); Thay đổi chủ thể hợp đồng mua bán điện (75,6%); Cấp điện mới từ lưới điện hạ áp (73%); Đăng ký tạm trú (87,33%)... Hàng năm, đã tiết kiệm cho nhà nước **2.505 tỷ đồng**.

(2) Thực hiện chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương tại Thông báo số 19-TB/TGV, ngày 09/5/2025, Cổng dịch vụ công quốc gia đã nâng cấp, kết nối

²⁵ Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

²⁶ Gồm: (i) Công khai, minh bạch; (ii) Tiến độ, kết quả giải quyết; (iii) Số hóa hồ sơ; (iv) Cung cấp dịch vụ trực tuyến; (v) Mức độ hài lòng.

thông suốt với **34/34** Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, đáp ứng yêu cầu triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và trở thành điểm “*một cửa sổ*” tập trung, duy nhất của quốc gia, giao tiếp với người dân, doanh nghiệp trong thực hiện dịch vụ công trực tuyến. Trong tháng đầu triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, hồ sơ trực tuyến nộp từ Cổng dịch vụ công quốc gia là **2.228.965** hồ sơ (*trong đó, địa phương chiếm 68,9%; các Bộ chiếm 31,1%*) và **538.229** giao dịch thanh toán trực tuyến, với tổng số tiền hơn **585** tỷ đồng.

(3) Bên cạnh đó, Văn phòng Chính phủ đã phối hợp Văn phòng Trung ương Đảng, Thành ủy Hà Nội và các cơ quan, đơn vị có liên quan hoàn thành kết nối kỹ thuật giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Đảng; đã cung cấp 04 dịch vụ công trực tuyến của Đảng trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*liên quan đến: chuyển sinh hoạt đảng chính thức, tạm thời; đóng đảng phí; lấy ý kiến nhận xét của chi bộ nơi cư trú*).

(4) **Hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến qua Dịch vụ bưu chính công ích:** Tổng công ty Bưu điện Việt Nam đang phối hợp với Bộ Công an và Ngân hàng BIDV xây dựng **đề án đại lý dịch vụ công trực tuyến**, triển khai thí điểm tại Bình Định và Thanh Hóa từ ngày 01/7/2025. Từ 26/5/2025 đến 23/6/2025, tiếp tục hỗ trợ thực hiện dịch vụ công trực tuyến qua Dịch vụ bưu chính công ích, đã tiếp nhận và chuyển trả hơn **73.726** kết quả.

IV. Nhóm tiện ích về phát triển kinh tế, xã hội

1. Triển khai các giải pháp truy thu thuế: đã có **246.700** doanh nghiệp, hộ, cá nhân kinh doanh đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế khởi tạo từ máy tính tiền thành công với số lượng hóa đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền là **2,63** tỷ hóa đơn bình quân **10.643** hóa đơn/CSKD. Tổng số tiền thuế thu trên hóa đơn **trên 1.900** tỷ đồng.

2. Thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt

- **Lĩnh vực chi trả an sinh xã hội:** **100%** các tỉnh/thành phố đã thực hiện chi trả không dùng tiền mặt đến các đối tượng²⁷. Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết 263/NQ-CP, ngày 29/8/2025 của Chính phủ về hướng dẫn tặng quà nhân dân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng 8 và Quốc khánh 2/9/2025, Bộ Công an đã phân tích dữ liệu dân cư theo từng tỉnh, Thành phố để làm căn cứ tặng quà; tuyên truyền, hướng dẫn người dân thực hiện tích hợp tài khoản an sinh xã hội, mở tài khoản ngân hàng trên VNeID. Đến nay, đã thanh toán qua tài khoản **trên 326,8** tỷ đồng.

- **Lĩnh vực y tế, giáo dục:** Đến nay, **100%** các cơ sở khám chữa bệnh đã có dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt theo nhiều hình thức khác nhau (*chuyển khoản, quét mã QR code, ví điện tử, thẻ khám chữa bệnh có kết nối với ngân hàng...*), bảo đảm thuận tiện cho người dân khi đi khám chữa bệnh. Bộ Giáo dục

²⁷ + Đối tượng bảo trợ xã hội: tổng số đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp thường xuyên thuộc ngành quản lý là 3.813.435 người; số đối tượng đã thực hiện rà soát là 3.761.062 người; số đối tượng đã có tài khoản, mong muốn chi trả không dùng tiền mặt là 2.371.906 người (chiếm tỷ lệ 62,20%); số đối tượng đã được chi trả qua tài khoản là 2.227.416 người (chiếm tỷ lệ 58,41%). Tổng kinh phí đã thực hiện chi trả trên 15.375 tỷ đồng.

+ Đối tượng người có công với cách mạng: tổng số đối tượng hưởng chính sách người có công thường xuyên thuộc ngành quản lý là 1.044.489 người; số đối tượng đã thực hiện rà soát là 1.038.947 người; số đối tượng đã có tài khoản mong muốn chi trả không dùng tiền mặt là 717.836 người (chiếm tỷ lệ 68,73%); số đối tượng đã được chi trả qua tài khoản là 675.803 người (chiếm tỷ lệ 64,70%); Tổng kinh phí đã thực hiện chi trả trên 25.981 tỷ đồng.

và đào tạo đã chỉ đạo các cơ sở giáo dục ứng dụng các nền tảng quản lý học sinh và tài chính tích hợp chức năng thanh toán học phí trực tuyến thông qua mã QR, ví điện tử và cổng thanh toán ngân hàng. Đặc biệt, hoạt động thanh toán đã được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*thanh toán lệ phí xét tuyển đại học, cao đẳng hằng năm*), ứng dụng VNeID, tạo điều kiện cho phụ huynh dễ dàng theo dõi và thực hiện các khoản chi một cách thuận tiện, nhanh chóng và an toàn.

- **Lĩnh vực bảo hiểm:** Đã có **86%** số người hưởng nhận các chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân tại khu vực đô thị (**vượt 26% so với chỉ tiêu Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 về việc phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025**).

- **Lĩnh vực tài chính:** tỷ lệ thu ngân sách nhà nước bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đạt **99,84%** so với tổng thu ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước; tỷ lệ chi ngân sách nhà nước bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt đạt **99,64%** so với tổng chi ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước.

3. Bộ Công an đã cung cấp dịch vụ xác thực thông tin công dân trong chip thẻ Căn cước công dân với 21 đại lý cấp 1 đã ký hợp đồng khai thác dịch vụ, hơn 153.721.611 lượt xác thực, doanh thu đạt 173 tỷ đồng. Dịch vụ xác thực điện tử VNeID với 31 doanh nghiệp ký hợp đồng sử dụng dịch vụ, đạt 42,6 triệu lượt xác thực, trong đó 17,8 triệu lượt xác thực khuôn mặt. Doanh thu dự kiến mang về khi ban hành giá đạt 29,9 tỷ đồng.

4. Đối với nghiên cứu, phát triển các giải pháp vụ ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước, định danh và xác thực điện tử

(1) **Giải pháp Cổng ký số tập trung trên nền tảng VNeID:** Tích hợp thành công với **08** nhà cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số; **07** đơn vị sử dụng chữ ký số đã vận hành thành công; cấp mới **110.792** chứng thư số và cung cấp **3.292** lượt ký tài liệu, đồng thời đang hướng dẫn **52** đơn vị khác tích hợp. Tiết kiệm trên mỗi bộ hồ sơ từ **41.000 VNĐ - 170.000 VNĐ**; Thời gian xử lý tiết kiệm trung bình giảm thiểu từ **15-60 phút/ hồ sơ**; Tiết kiệm nhân sự lương cơ bản khoảng **500 tỷ**; Tiết kiệm hàng năm khoảng **2.000 tỷ đến 10.000 tỷ**.

(2) **Giải pháp Ứng dụng công nghệ sinh trắc học làm thủ tục đi tàu bay:** Bộ Công an đã phối hợp với Bộ Tài Chính, Bộ Xây dựng và các đơn vị có liên quan triển khai giải pháp tại **18** Cảng hàng không²⁸, đến nay, đã có **309.705 hành khách** thực hiện sinh trắc học trên **14.361 chuyến bay**. Tổng giá trị tiết kiệm nguồn lực ước đạt hơn **7,7 nghìn tỷ đồng** mỗi năm, trong đó khoảng 2,7 nghìn tỷ đồng thuộc về hành khách và 5.000 tỷ đồng cho các hãng hàng không nhờ cắt giảm nhân lực.

(3) **Hệ thống quản lý đấu giá tài sản ứng dụng nền tảng định danh và xác thực điện tử trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công an:** Niêm yết **06** lô tài sản, tổ chức **08** phiên đấu giá với tổng giá khởi điểm **8,2 tỷ đồng** và tổng

²⁸ T3 - Tân Sơn Nhất, Nội Bài, Đà Nẵng, Phú Quốc, Cam Ranh, Phú Bài, Cát Bi, Cần Thơ, Điện Biên, Buôn Ma Thuột, Rạch Giá, Côn Đảo, Phù Cát, Pleiku, Tuy Hoà, Chu Lai, Đồng Hới, Thọ Xuân

tiền trúng đấu giá trên **9 tỷ đồng**, chênh lệch **782.560.000 đồng**. Hệ thống cho phép theo dõi, giám sát và xác thực danh tính người tham gia đấu giá theo thời gian thực, đảm bảo các phiên đấu giá diễn ra công khai, minh bạch, hạn chế gian lận và rủi ro pháp lý. Với **08** phiên đấu giá thí điểm, tổng chi phí vận hành, nhân sự và giấy tờ được ước tính **giảm từ 15–30%** so với phương thức truyền thống. Tổng giá trúng đấu giá vượt giá khởi điểm **782.560.000 đồng** chứng minh hệ thống góp phần tối ưu hóa giá trị tài sản nhà nước, **tăng nguồn thu cho ngân sách** và giảm lãng phí tài sản dôi dư. Hiện nay, Bộ Công an đang trình Chính phủ ban hành Nghị quyết về Kế hoạch hành động triển khai đấu giá tài sản trực tuyến toàn quốc.

(4) Nền tảng “Bình dân học vụ số”: Thực hiện đào tạo cho hơn **203** nghìn học viên (*công chức, viên chức, lực lượng vũ trang, người lao động, học sinh, sinh viên...*) với **20 chuyên đề**, giảm tới **80% chi phí** đào tạo, tập huấn so với phương thức truyền thống, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, tiết kiệm nguồn lực xã hội và đẩy mạnh phổ cập tri thức số cho toàn dân.

(5) Nền tảng điều phối dữ liệu y tế: Đã có **373** cơ sở khám chữa bệnh tham gia thí điểm và đẩy dữ liệu lên hệ thống (*trong đó có 02 bệnh viện tuyến trung ương và 12 bệnh viện lớn tuyến tỉnh*) với hơn **2,5** triệu bệnh án điện tử, hơn **5** nghìn hồ sơ đơn thuốc và hơn **200** nghìn lượt tra cứu dữ liệu, tiết kiệm chi phí quản lý, lưu trữ, đối soát hồ sơ **ước tính từ 500-1000 tỷ/năm**. Giúp cơ quan Quản lý Nhà nước nắm bắt kịp thời tình hình dịch tễ, chất lượng khám chữa bệnh để ra quyết định chính sách kịp thời, nâng cao hiệu quả quản lý chi phí quỹ BHYT (*giảm từ 2-3% thất thoát từ quỹ BHYT*).

IV. Nhóm tiện ích phát triển công dân số

(1) Đã hoàn thành cấp Căn cước công dân gắn chip cho 100% công dân có đủ điều kiện trên địa bàn toàn quốc với hơn 87 triệu thẻ. Từ ngày 01/7/2024 đến nay, Bộ Công an đã cấp **21,1 triệu thẻ Căn cước** cho công dân²⁹. Cấp **748** giấy chứng nhận trường hợp người gốc Việt Nam chưa xác định Quốc tịch đang sinh sống tại Việt Nam. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương triển khai quy trình, **thủ tục đổi thẻ Đảng viên**; đã thu nhận **5,2 triệu** thẻ Đảng viên gắn chip; in **1,2 triệu** thẻ.

(2) Thu nhận trên **90 triệu** hồ sơ định danh điện tử, kích hoạt **trên 65 triệu** tài khoản (*tỷ lệ kích hoạt trên tổng số hồ sơ thu nhận đạt 72,2%, vượt 225% chỉ tiêu Chính phủ giao*). Đã chính thức cấp **định danh tổ chức** với **716.882** hồ sơ định danh được cấp số trên tổng số 806.900 hồ sơ đăng ký định danh được thu nhận. Kích hoạt thành công **36.174 trường hợp** trên tổng số **47.574** hồ sơ thu nhận định danh người nước ngoài.

(3) Cung cấp **48 tiện ích** trên VNeID, được người dân hưởng ứng sử dụng với hơn **500 triệu** lượt truy cập, trung bình có **1,5 triệu** lượt truy cập vào VNeID/01 ngày, điển hình là:

- Tích hợp giấy tờ trên VNeID (**20,2 triệu** Giấy phép lái xe; **7,4 triệu** đăng ký xe; **26,4 triệu** thẻ Bảo hiểm y tế; **423 nghìn** giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; **476 nghìn** phiếu Lý lịch tư pháp) phục vụ cắt giảm các thành phần hồ sơ trong các

²⁹ Trong đó, cấp 3,9 triệu thẻ cho công dân dưới 6 tuổi; 6,2 triệu thẻ cho công dân từ 6 đến dưới 14 tuổi và 10,8 triệu thẻ cho công dân trên 14 tuổi

thủ tục hành chính, *điển hình như*: Thí điểm cắt giảm thành phần hồ sơ xác nhận tình trạng hôn nhân trong đăng ký xe tại **Hà Nam** (251 hồ sơ đã cắt giảm); **TP Hồ Chí Minh** (240 hồ sơ hồ sơ đã cắt giảm)...

- Đẩy mạnh **triển khai dịch vụ công trên VNeID** theo **04** nhóm cư trú, căn cước, tư pháp; đăng ký quản lý phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, trung bình có **418.603** lượt người dân truy cập/ 01 ngày, **nổi bật**: đã có **323 nghìn** hồ sơ đăng ký thường trú; **545 nghìn** hồ sơ đăng ký tạm trú; **371.858** hồ sơ cấp phiếu lý lịch tư pháp thực hiện trên VNeID.... Triển khai trên đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trên VNeID về thủ tục hành chính, dịch vụ công, đến nay đã có trên **35 nghìn** lượt đánh giá, trong đó có **30 nghìn lượt đánh giá 5 sao**, mức độ hài lòng đạt: **85.7%**.

- *Triển khai Sổ sức khỏe điện tử*: đã tích hợp **26.249.816** thông tin công dân trên Sổ sức khỏe điện tử. Trung bình có **17 nghìn** lượt truy cập/ngày. Bên cạnh đó, người dân đã có thể mua thuốc trên ứng dụng VNeID tại các hệ thống cửa hàng thuốc chính thống, uy tín, được định danh như: Long Châu, Pharmacity, An Khang.

- Hoàn thành điều chỉnh thông tin căn cước điện tử, thông tin cư trú và các thông tin khác của công dân trên VNeID theo địa danh mới. Triển khai cảm nang số với **04 thông tin** (*địa chỉ các trụ sở cơ quan xã, các thủ tục hành chính; cảm nang chính quyền cấp xã; và phân cấp phân quyền tại cấp xã*) và Trợ lý ảo với trên **60 nghìn lượt truy cập**, giúp người dân tra cứu thông tin chính thống; tiết kiệm thời gian, công sức; nâng cao kỹ năng số và phòng chống tội phạm.

(4) Bộ Công an đã phối hợp với Bộ Nội vụ tích cực triển khai thu thập hơn 54.266 mẫu ADN thân nhân liệt sĩ trên toàn quốc, đưa vào ngân hàng Gen phục vụ xác định danh tính hài cốt liệt sỹ bị thất lạc. Trong đó đã tiến hành phân tích 8.579 mẫu, đồng bộ 5.700 mẫu vào Cơ sở dữ liệu Căn cước, qua đối sánh dữ liệu, **phát hiện, công nhận danh tính đối với 16 liệt sĩ**.

V. Về kết nối, xác thực và chuẩn hóa dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu khác

1. Bộ Công an: Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư **đã kết nối** với **15** bộ, ngành, **01** doanh nghiệp nhà nước (EVN), **03** doanh nghiệp viễn thông và **34** địa phương để làm sạch dữ liệu cho các đơn vị và làm giàu dữ liệu dân cư. Tiếp nhận **2.126.255.426** yêu cầu để tra cứu, xác thực thông tin.

2. Về số hóa, xây dựng các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, kết nối với CSDLQG về dân cư

(1) Về số hóa dữ liệu hộ tịch: Đến nay, **100%** các địa phương đã hoàn thành việc số hóa dữ liệu hộ tịch với hơn **107 triệu** dữ liệu. Hiện nay, các địa phương có thể chủ động khai thác, tra cứu dữ liệu hộ tịch trên toàn quốc để phục vụ giải quyết TTHC theo quy định của Nghị định 87/2020/NĐ-CP (*cấp bản sao Trích lục hộ tịch, Xác nhận thông tin hộ tịch không phụ thuộc vào nơi cư trú và nơi đăng ký hộ tịch trước đây*) và Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 (*tra cứu thông tin liên quan đến hôn nhân - phục vụ giải quyết thủ tục đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, không phải nộp, xuất trình Giấy chứng nhận kết hôn*,

Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân). Đồng thời, thông tin hộ tịch của công dân có sự thay đổi đã được chia sẻ, đồng bộ sang Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư

(2) Về số hóa dữ liệu đất đai: 34/34 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang xây dựng, hoàn thiện CSDL đất đai, cụ thể: Khoảng 2.360/3.321 đơn vị cấp xã đã hoàn thành CSDL địa chính với hơn 49,7 triệu thửa đất đưa vào vận hành phục vụ công tác quản lý nhà nước về đất đai và giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp. Hiện Bộ Công an đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Kế hoạch số

(3) Bộ Nội vụ đã hoàn thành xây dựng Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức với 2.442.691 hồ sơ. Đối với dữ liệu công chức, viên chức thuộc các địa phương, Bộ Nội vụ sẽ phối hợp, hướng dẫn các địa phương cập nhật cơ sở dữ liệu công chức, viên chức sau khi thực hiện phương án sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập cấp xã và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp.

(4) Bộ Giáo dục và Đào tạo đã số hóa được hơn 27 triệu hồ sơ điện tử của học sinh, giáo viên, cán bộ ngành giáo dục, trong đó đã đồng bộ, làm giàu cho Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thông tin của khoảng 24,3 triệu hồ sơ điện tử của học sinh, giáo viên và cán bộ quản lý ngành Giáo dục.

(5) Bộ Tài chính đã xác thực hơn 100,2 triệu thông tin nhân khẩu của Cơ sở dữ liệu về bảo hiểm với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, trong đó có khoảng 91 triệu người đang tham gia, thụ hưởng BHXH, BHYT, BHTN, chiếm 99,23% tổng số người tham gia. Đồng thời, chuẩn hóa 95% thông tin mã số thuế với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

B. VỀ THỰC TRẠNG XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA BỘ, NGÀNH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 214/NĐ-CP

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Cơ quan thường trực (C06, Bộ Công an) cùng 07 tập đoàn, doanh nghiệp và 15 bộ, ngành khảo sát đánh giá thực trạng kết quả khảo sát và đã được các Bộ ký, gửi báo cáo khảo sát. Từ kết quả khảo sát đánh giá khẳng định:

1. Đối với 11 CSDL theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW và 01 CSDL của Toà án nhân dân tối cao, hiện đã xây dựng 04/12 CSDL (chiếm 33,3%) (*hộ tịch điện tử, đất đai, tài chính, hoá chất*); tuy nhiên đều chưa đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung.

2. Đối với 116 CSDL được giao theo Nghị quyết 71/NQ-CP, có 105/116 CSDL phải hoàn thành trong năm 2025 thuộc trách nhiệm của 16 bộ, ngành, tuy nhiên nếu theo tiến độ cam kết hiện nay xác định có 54/105 CSDL (chiếm 51%) có thể hoàn thành trong năm 2025; còn 11/116 CSDL phải hoàn thành trong năm 2026 thuộc trách nhiệm của 03 bộ (*Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch, Bộ Dân tộc và Tôn giáo*).

3. Đối với TTHC, đã rà soát được 946 TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu (*trên tổng số 5.801 TTHC, và 72.717 TTHC được địa phương hoá*).

4. Về kinh phí trong năm 2025

- Các bộ ngành đã đăng ký là: 2.422 tỷ của 06 bộ (*Bộ Xây dựng; Toà án nhân dân tối cao; Bộ Tư pháp; Bộ Nội vụ; Bộ Dân tộc và Tôn giáo; Bộ Tài chính*).

- Các doanh nghiệp đồng hành đề xuất bổ sung là: 742 tỷ (223 tỷ cho *Bộ Y tế*, 139 tỷ cho *Thanh tra Chính phủ*, 380 tỷ *Bộ Tài chính*).

5. Về kinh phí các năm tiếp theo

- Tổng kinh phí các bộ, ngành đã đăng ký là: 487,9 tỷ.

- Tổng kinh phí các doanh nghiệp đồng hành đề xuất bổ sung là: 1.977,8 tỷ.

II. ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT TIẾN ĐỘ XÂY DỰNG CSDL VÀ TTHC CỦA CÁC BỘ, NGÀNH

1. Bộ Tư pháp

1.1. Về nền tảng và dữ liệu

- Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: CSDL hộ tịch điện tử:

(1) Đối với dữ liệu khai sinh, khai tử, nhận cha, mẹ, con, giám hộ, dân tộc, giới tính và quốc tịch: Cơ bản đã đảm bảo đúng, sạch và cập nhật theo thời gian thực. Riêng dữ liệu đăng ký khai sinh cho người Việt Nam sinh ra tại nước ngoài chưa đầy đủ.

(2) Đối với dữ liệu về tình trạng hôn nhân: Dữ liệu kết hôn đã đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống. **Dữ liệu ly hôn chưa đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống**, do dữ liệu bản án ly hôn của Toà án chưa đầy đủ và chưa cập nhật theo thời gian thực.

- Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: Chưa có CSDL quốc gia về xử lý vi phạm hành chính.

- Theo Nghị quyết 71/NQ-CP: Đã xây dựng và sử dụng được 02/05 CSDL (*Hộ tịch điện tử; Biện pháp bảo đảm bằng động sản*); còn lại 03/05 CSDL phải hoàn thành trong năm 2025, trong đó, có 02 CSDL đang xây dựng; 01 CSDL chưa triển khai (*Xử lý vi phạm hành chính*).

1.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là 276; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành 7.511 TTHC.

- Qua rà soát, năm 2025, Bộ có 60 TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu. Các dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ Công an, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính.

1.3. Về kinh phí

- Hiện nay, Bộ mới đăng ký kinh phí 2025 cho 02 CSDL (*Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự; Hệ thống quản lý tổ chức và hoạt động trợ giúp pháp lý*) với tổng số là 332 tỷ đồng.

2. Toà án nhân dân tối cao

2.1. Về nền tảng và dữ liệu

- Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: Chưa có CSDL về bản án, quyết định Toà án.

- Theo Nghị quyết 71/NQ-CP: Được giao xây dựng 01 CSDL, đã xây dựng và sử dụng nội ngành (*Hệ thống phần mềm quản lý nghiệp vụ thụ lý, giải quyết các loại vụ, việc dùng chung của Tòa án nhân dân*).

2.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **03**; không có TTHC được địa phương hoá.
- Qua rà soát, năm 2025, Toà án NDTC có **01** TTHC có TPHS có thể thay thế bằng dữ liệu (*dữ liệu Căn cước*). Dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ Công an.

2.3. Về kinh phí

- Hiện nay, Toà án NDTC đã đăng ký kinh phí 2025 cho 01 CSDL (*Cơ sở dữ liệu về bản án, quyết định của Toà án*) với tổng số là **1800,5 tỷ đồng**.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo

3.1. Về nền tảng và dữ liệu

- **Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW:** Các CSDL chuyên ngành hiện có của Bộ Giáo dục và Đào tạo hiện chưa đảm bảo “*đúng, đủ, sạch, sống*”. Bộ đang xây dựng CSDL trọng yếu về giáo dục và đào tạo gồm 02 nhóm dữ liệu quan trọng: học bạ số và văn bằng số trung học phổ thông từ năm học 2024-2025 (*khoảng 10 triệu học bạ số và 200.000 văn bằng THPT*).

- **Theo Nghị quyết 71/NQ-CP:** Được giao xây dựng 05 CSDL, trong đó: Đã xây dựng và sử dụng được nội ngành 02/05 CSDL (*Mầm non - phổ thông - thường xuyên; Đại học*); còn lại 03/05 phải hoàn thành trong năm 2025, hiện đang xây dựng.

3.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **261**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **5.381** TTHC.
- Qua rà soát, năm 2025, Bộ có **80** TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu. Dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ NNMT, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ, Bộ Công an.

3.3. Về kinh phí

- Hiện nay, Bộ và doanh nghiệp đồng hành chưa đăng ký kinh phí 2025.

4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường

4.1. Về nền tảng và dữ liệu

- **Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: CSDL quốc gia về đất đai:** Chưa đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống; gồm 05 loại dữ liệu thành phần (*dữ liệu địa chính; dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai; dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; dữ liệu giá đất; dữ liệu điều tra, đánh giá, bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất*).

- **Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: Chưa có CSDL ngành nông nghiệp.**

- **Theo Nghị quyết 71/NQ-CP:** Được giao xây dựng 12 CSDL theo Nghị quyết 71/NQ-CP, trong đó: Đã xây dựng và sử dụng được nội ngành 04/12 CSDL (*Nền địa lý quốc gia, Viễn thám quốc gia, Nghề cá quốc gia (Vnfishbase), Khai thác, sử dụng tài nguyên biển và hải đảo*); còn lại 08/12 CSDL phải hoàn thành trong năm 2025, hiện đang xây dựng.

4.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **601**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **11.394** TTHC.

- Qua rà soát, năm 2025, Bộ có **85** TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu. Dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ KHCHN, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp.

4.3. Về kinh phí

- Hiện nay, Bộ và doanh nghiệp đồng hành chưa đăng ký kinh phí 2025.

5. Bộ Tài chính

5.1. Về nền tảng và dữ liệu

- **Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: CSDL quốc gia về tài chính:**

(1) Dữ liệu kho bạc, thuế, hải quan: Cơ bản đã đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống (độ trễ 01 ngày).

(2) Dữ liệu chứng khoán: Chưa đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống; chỉ tập trung trên Bộ Tài chính; được tạo ra qua hoạt động nhập liệu từ các báo cáo cuối ngày; không có cơ chế đối soát với dữ liệu được nhập.

(3) Dữ liệu quản lý giá, tài sản công: Chưa đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống; được tạo lập từ hoạt động nghiệp vụ; chỉ tập trung trên Bộ Tài chính; độ trễ 01 ngày.

(4) Dữ liệu quản lý giám sát vốn Nhà nước tại doanh nghiệp: Chưa đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống; được tạo ra qua hoạt động nhập liệu của doanh nghiệp, dữ liệu chưa đầy đủ, chưa được xác thực bởi chủ thể; độ trễ theo tháng/quý.

(5) Dữ liệu đầu tư công: Chưa đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống; được tạo ra qua hoạt động nhập liệu, mới có dữ liệu trên trung ương.

- **Theo Nghị quyết 71/NQ-CP:** Được giao xây dựng 17 CSDL, trong đó: Đã xây dựng và sử dụng được 12/17 CSDL, sẵn sàng kết nối, chia sẻ ngoài ngành (Tổng hợp về tài chính; Đầu tư công; Hệ thống cấp mã số BHXH và Quản lý BHYT hộ gia đình; Hệ thống giám định bảo hiểm y tế; Hệ thống quản lý thu và số thẻ (TST); Hệ thống Xét duyệt chính sách (TCS); Tiếp nhận và quản lý hồ sơ; Đấu thầu; Đăng ký doanh nghiệp; Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; Đăng ký hợp tác xã; Hệ thống quản lý thông tin khách hàng (EVN)); còn lại 02/17 CSDL phải hoàn thành trong năm 2025; 03/17 CSDL phải hoàn thành trong năm 2026, trong đó có 03 CSDL đang xây dựng; 02 CSDL chưa triển khai (Quốc gia về quy hoạch; Quốc gia về khu công nghiệp, khu kinh tế).

5.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **949**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **6.209** TTHC.

- Qua rà soát, năm 2025, Bộ có **60** TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu. Dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ Công an, Bộ Y tế, Bộ Tư pháp.

5.3. Về kinh phí

- Hiện nay, Bộ đã đăng ký kinh phí 2025 cho 02 CSDL (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Tài chính; Cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công) với tổng số là **89,008 tỷ đồng**.

- Doanh nghiệp đồng hành đề xuất kinh phí 2025 cho 01 CSDL (Cơ sở dữ liệu quốc gia về Bảo hiểm) với tổng số là **380 tỷ đồng**.

6. Bộ Xây dựng

6.1. Về nền tảng và dữ liệu

- **Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: Chưa có CSDL quốc gia về hoạt động xây dựng.** Bộ hiện đang xây dựng 03 hợp phần và 01 hệ thống: ⁽¹⁾ Dữ liệu quy hoạch xây dựng; ⁽²⁾ Dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng; ⁽³⁾ Dữ liệu định mức xây dựng, giá xây dựng công trình; ⁽⁴⁾ Hệ thống thông tin quản lý. Dự kiến trong tháng 12/2025 phối hợp triển khai 5 tỉnh, đáp ứng tính “đúng, sống, sạch”. Từ ngày 01/01/2026 - tháng 06/2026, các địa phương chuẩn bị dữ liệu để vào hệ thống để triển khai chính thức, đáp ứng tính “đúng, đủ, sạch, sống”.

- **Theo Nghị quyết 71/NQ-CP:** Được giao xây dựng 09 CSDL, trong đó: Đã xây dựng và sử dụng được 04/09 CSDL, trong đó 03/09 CSDL có kết nối, chia sẻ (*Kết cấu hạ tầng giao thông đường sắt; Đăng kiểm phương tiện; Tàu biển, thuyền viên lĩnh vực hàng hải*); 01/09 CSDL sử dụng nội ngành (*Năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân và tổ chức*); còn lại 05/09 CSDL phải hoàn thành trong năm 2025, hiện đang xây dựng.

6.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **479**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **6.870** TTHC.

- Qua rà soát, năm 2025, Bộ có **106** TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu. Dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ Công an, Tài chính, Bộ Nông nghiệp và môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.3. Về kinh phí

- Hiện nay, Bộ đã đăng ký kinh phí 2025 cho 02 CSDL (*CSDL Quốc gia về hoạt động Xây dựng; CSDL kết cấu hạ tầng đường bộ*) với tổng số là **40,5 tỷ đồng**.

7. Bộ Y tế

7.1. Về nền tảng và dữ liệu

- **Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: Chưa có CSDL quốc gia ngành y tế.** Trong **26** CSDL chuyên ngành cấu thành CSDL quốc gia ngành y tế có **08/26** CSDL đã xây dựng, nhưng chưa đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống, chỉ phục vụ nội ngành (*Sức khỏe bà mẹ trẻ em, sức khỏe sinh sản; Quản lý trẻ em; Khám chữa bệnh; Tiêm chủng quốc gia; Y tế dự phòng; Môi trường cơ sở y tế; An toàn thực phẩm; Đối tượng trợ giúp xã hội*); **04/26** CSDL chưa xây dựng (*Cơ sở trợ giúp xã hội; Người làm công tác xã hội; Nhân lực y tế; Người khuyết tật*); **14/26** CSDL chưa có báo cáo cụ thể.

- **Theo Nghị quyết 71/NQ-CP:** Được giao xây dựng 12 CSDL, trong đó: Đã xây dựng và sử dụng được 04/12, trong đó, có 01/12 CSDL sẵn sàng kết nối, chia sẻ ngoài ngành (*Đối tượng trợ giúp xã hội*); 03/12 CSDL sử dụng nội ngành (*Dự phòng, HIV, AIDS; Môi trường cơ sở y tế; Hệ thống thông tin tiêm chủng quốc gia*); còn lại 08/12 CSDL phải hoàn thành trong năm 2025, trong đó, có 04 CSDL đang xây dựng, 04 CSDL chưa triển khai (*Cơ sở trợ giúp xã hội; Người khuyết tật; Người làm công tác xã hội; nhân lực y tế*).

7.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **286**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **5.368** TTHC.

- Qua rà soát, năm 2025, Bộ có **58** TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu. Dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ Tài chính, Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ NNMT, Bộ Công thương (CSDL về hoạt động xúc tiến thương mại).

7.3. Về kinh phí

- Hiện nay, doanh nghiệp đồng hành đề xuất kinh phí 2025 cho 04 CSDL (Hệ thống thông tin lĩnh vực sức khỏe bà mẹ trẻ em/sức khỏe sinh sản; Cơ sở dữ liệu quản lý trẻ em; Cơ sở dữ liệu đối tượng trợ giúp xã hội; Hệ thống quản lý thông tin tiêm chủng quốc gia) với tổng số là **223,4 tỷ đồng**.

8. Thanh tra Chính phủ

8.1. Về nền tảng và dữ liệu

- Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: Chưa xây dựng CSDL quốc gia kiểm soát tài sản thu nhập.

- Theo Nghị quyết 71/NQ-CP: Thanh tra Chính phủ không có CSDL được giao nhiệm vụ.

8.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **19**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **402** TTHC.

- Qua rà soát, chưa đề xuất được các TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu trong năm 2025.

8.3. Về kinh phí

- Hiện nay, doanh nghiệp đồng hành đề xuất kinh phí 2025 cho 01 CSDL (CSDL quốc gia về kiểm soát tài sản, thu nhập) với tổng số là **139,027 tỷ đồng**.

9. Bộ Nội vụ

9.1. Về nền tảng và dữ liệu

- Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: Chưa có CSDL quốc gia về an sinh xã hội. Bộ chưa xác định được các thành phần cấu thành, hiện mới hình thành một số dữ liệu thành phần phục vụ công tác quản lý nội bộ, chưa đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống (Trẻ em; Đối tượng trợ giúp xã hội; Người hưởng chính sách ưu đãi người có công; Giải quyết bảo hiểm thất nghiệp).

- Theo Nghị quyết 71/NQ-CP: Được giao xây dựng 10 CSDL, trong đó: Đã xây dựng và sử dụng được 04/10 (Người hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; Người lao động Việt Nam làm việc tại nước ngoài; Giải quyết hưởng bảo hiểm thất nghiệp; Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam); còn lại 06/10 CSDL phải hoàn thành trong năm 2025, hiện đang xây dựng.

9.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **245**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **4.945** TTHC.

- Qua rà soát, năm 2025, Bộ có **66** TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu. Dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ Công an, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

9.3. Về kinh phí

- Hiện nay, doanh nghiệp đồng hành đề xuất kinh phí 2025 cho 03 CSDL (*CSDL người hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; CSDL người lao động Việt Nam làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng; CSDL người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam*) với tổng số là **27,68 tỷ đồng**.

10. Bộ Công Thương

10.1. Về nền tảng và dữ liệu

- *Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW: CSDL về hoá chất quốc gia (CSDL Hàng hoá (Hoá chất, tiền chất))*, chưa đảm bảo đúng, đủ, sạch, sống; chỉ phục vụ nghiệp vụ quản lý hoá chất, tiền chất của Cục Hoá chất; chưa kết nối được với dữ liệu thông quan của Cục Hải quan (Bộ Tài chính) để đối chiếu, sàng lọc dữ liệu tờ khai hàng hoá xuất nhập khẩu; chưa kết nối với CSDL định danh tổ chức.

- *Theo Nghị quyết 71/NQ-CP*: Được giao xây dựng 01 CSDL, đã xây dựng và sử dụng được nội ngành (*Kinh tế Công nghiệp và Thương mại*).

10.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **503**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **10.134** TTHC.

- Qua rà soát, năm 2025, Bộ có **163** TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu. Dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ Công an (*CSDL quốc gia về dân cư*), Bộ Tài chính (*CSDL quốc gia về đăng ký doanh nghiệp*).

10.3. Về kinh phí

- Hiện nay, Bộ và doanh nghiệp đồng hành chưa đề xuất kinh phí 2025.

11. Bộ Khoa học và Công nghệ

11.1. Về nền tảng và dữ liệu

- *Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW*: Bộ không có CSDL được giao nhiệm vụ.

- *Theo Nghị quyết 71/NQ-CP*: Được giao xây dựng 7 CSDL, trong đó: Đã xây dựng và sử dụng được nội ngành 07/07 (*Cấp phép lĩnh vực Chứng thực điện tử; Cơ quan, doanh nghiệp bưu chính; Cơ quan, doanh nghiệp lĩnh vực viễn thông; Doanh thu dịch vụ viễn thông; Tài nguyên viễn thông; Thống kê tốc độ truy cập Internet băng rộng cố định và băng rộng di động của các Doanh nghiệp và địa phương trên cả nước; Quốc gia về khoa học và công nghệ*).

11.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **538**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **6.430** TTHC.

- Qua rà soát, năm 2025, Bộ có **170** TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu. Dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Y tế.

11.3. Về kinh phí

- Hiện nay, Bộ và doanh nghiệp đồng hành chưa đề xuất kinh phí 2025.

12. Bộ Ngoại giao

12.1. Về nền tảng và dữ liệu

- *Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW*: Bộ không có CSDL được giao nhiệm vụ.

- *Theo Nghị quyết 71/NQ-CP*: Được giao xây dựng 01 CSDL (*CSDL về di cư*), đang xây dựng, hoàn thành trong năm 2025.

12.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **70**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **168** TTHC.

- Qua rà soát, năm 2025, Bộ không có TTHC có TPHS có thể thay thế bằng dữ liệu.

12.3. Về kinh phí

- Hiện nay, Bộ và doanh nghiệp đồng hành chưa đề xuất kinh phí 2025.

13. Bộ Dân tộc và Tôn giáo

13.1. Về nền tảng và dữ liệu

- *Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW*: Bộ không có CSDL được giao nhiệm vụ.

- *Theo Nghị quyết 71/NQ-CP*: Được giao xây dựng 05 CSDL, chưa xây dựng; 01/05 CSDL phải hoàn thành trong năm 2025 hiện đang triển khai; 04/05 hoàn thành trong năm 2026, hiện chưa xây dựng.

13.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **57**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **1.152** TTHC.

- Qua rà soát, năm 2025, Bộ không có TTHC có TPHS có thể thay thế bằng dữ liệu.

13.3. Về kinh phí

- Hiện nay, Bộ đã đăng ký kinh phí 2025 cho 01 CSDL (*CSDL về Tôn giáo*) với tổng số là **132,3** tỷ đồng.

14. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch

14.1. Về nền tảng và dữ liệu

- *Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW*: Bộ không có CSDL được giao nhiệm vụ.

- *Theo Nghị quyết 71/NQ-CP*: Được giao xây dựng 07 CSDL theo Nghị quyết 71/NQ-CP, trong đó: Đã xây dựng và sử dụng được nội ngành 04/07 (*Di sản văn hóa phi vật thể; Hiện vật; Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan; Báo chí*); còn lại 03/07 CSDL phải hoàn thành trong năm 2026, trong đó, có 01 CSDL đang xây dựng; 02 CSDL chưa triển khai (*Sản phẩm quảng cáo; Phòng chống bạo lực gia đình*).

14.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **352**; từ đó, đã được 34 tỉnh, thành phố địa phương hoá thành **6.114** TTHC.

- Qua rà soát, năm 2025, Bộ có **62** TTHC có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu. Dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ Công an, Bộ Tài chính.

14.3. Về kinh phí

- Hiện nay, Bộ và doanh nghiệp đồng hành chưa đề xuất kinh phí 2025.

15. Ngân hàng Nhà nước

15.1. Về nền tảng và dữ liệu

- *Theo Kế hoạch 02-KH/BCĐTW*: Bộ không có CSDL được giao nhiệm vụ.

- **Theo Nghị quyết 71/NQ-CP:** Được giao xây dựng 04 CSDL, trong đó: Đã xây dựng và sử dụng được 04/04 CSDL, trong đó 01/04 CSDL có kết nối chia sẻ (*Datawarehouse*); 03/04 CSDL chỉ sử dụng nội ngành (*Thông tin tín dụng; Mã Ngân hàng; Bảng số liệu Cổng thông tin điện tử NHNN*).

15.2. Về thủ tục hành chính

- Tổng số TTHC là **329**; không có TTHC được địa phương hoá.
 - Qua rà soát, năm 2025, Ngân hàng Nhà nước có **37** TTHC có TPHS có thể thay thế bằng dữ liệu. Dữ liệu này cần được chia sẻ từ Bộ Công an, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nội vụ (*CSDL quản lý người nước ngoài tại Việt Nam*).

15.3. Về kinh phí: Ngân hàng Nhà nước đề xuất sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định, nguồn kinh phí khoán, chi nghiệp vụ của Ngân hàng nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được giao (*do Ngân hàng nhà nước sử dụng chế độ tài chính riêng*)

III. VỀ AN NINH AN TOÀN, BẢO MẬT CÁC HỆ THỐNG

1. Kết quả rà soát an ninh an toàn, bảo mật các hệ thống của 15 bộ, ngành

- **Về cấp độ 4:** 05 hệ thống đạt cấp độ 4 (*đều thuộc Bộ Tài chính*);
 - **Về cấp độ 3:** 52 hệ thống đạt cấp độ 3, trong đó:
 + Nhiều nhất: Bộ Nội vụ có 23 hệ thống đạt cấp độ 3;
 + Ít nhất: 06 bộ ngành không có hệ thống nào đạt cấp độ 3 (*gồm: Bộ Công thương, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa thể thao và du lịch, Bộ Xây dựng, Bộ Y tế*).
 - **Về cấp độ 2:** Có 62 hệ thống đạt cấp độ 2, trong đó: Bộ Tư pháp nhiều nhất có 25 hệ thống.

- **Các bộ ngành còn nhiều hệ thống chưa phê duyệt cấp độ.** Điển hình: **Bộ Y tế** còn 24 hệ thống chưa được phê duyệt cấp độ.

- Một số bộ ngành có hệ thống được phê duyệt cấp độ 3, tuy nhiên, qua thực tế rà soát **còn thiếu thiết bị, giải pháp bảo mật.** Điển hình: **Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra Chính phủ...**

2. Đánh giá chung

Trong 10 năm qua, thế giới đã ghi nhận hàng loạt vụ tấn công mạng nghiêm trọng nhằm vào dữ liệu cá nhân của người dân do các cơ quan chính phủ quản lý. Xu hướng này ngày càng gia tăng, với sự tham gia của các nhóm tội phạm mạng có động cơ tài chính, và các chiến dịch gián điệp mạng có yếu tố quốc gia, trong đó các thông tin bị lộ gồm có: Thông tin dữ liệu cá nhân: số căn cước, địa chỉ, ngày sinh; Hồ sơ y tế: dữ liệu bệnh án, lịch sử kê đơn thuốc; Thông tin bầu cử: dữ liệu đăng ký cử tri; Thông tin nhân sự chính phủ: hồ sơ nhân viên, dữ liệu an ninh. Thông tin tài chính & thuế: hồ sơ thuế, giao dịch hải quan.

Qua đánh giá hiện trạng tại Bộ/ngành/địa phương/doanh nghiệp/người dùng có thể thấy, các mối đe dọa an ninh thông tin tại Việt Nam tiếp tục leo thang trong suốt năm 2024 - 2025, Việt Nam chứng kiến gia tăng cả về số lượng, tần suất, mức độ tinh vi và quy mô của các sự cố: rò rỉ dữ liệu cá nhân quy mô lớn, tấn công mã độc, lừa đảo có khả năng gây thiệt hại lớn cho người dân và tổ chức. Việc này chia

thành nguyên nhân chủ quan (*do yếu tố con người, quản trị, chính sách*) và nguyên nhân khách quan (*do môi trường, xu hướng công nghệ, tác nhân bên ngoài*). Bộ Công an đã cung cấp các tài liệu, giáo trình tập huấn đảm bảo an ninh an toàn thông tin, bảo mật thiết bị đầu cuối, đề nghị các bộ, ngành, địa phương tổ chức tập huấn trên nền tảng Bình dân học vụ số. Bộ Nội vụ nghiên cứu đề xuất cơ chế cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan nhà nước phải có chứng nhận đã hoàn thành khoá học về an ninh an toàn thông tin, bảo mật thiết bị đầu cuối.

IV. VỀ TIẾN ĐỘ TRIỂN KHAI DANH MỤC CÁC NỀN TẢNG SỐ DÙNG CHUNG CỦA CÁC CƠ QUAN TẠI TRUNG ƯƠNG (theo Quyết định 2618 ngày 11/9/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành với 84 nền tảng số triển khai toàn quốc bao gồm cả các nền tảng số của các cơ quan Đảng, Quốc hội)

Đến nay mới có **21/84** nền tảng được các bộ, ngành xây dựng kế hoạch để triển khai (*chiếm tỉ lệ 25%*); còn **63/84** nền tảng chưa được các bộ ngành xây dựng Kế hoạch triển khai.

Đặc biệt, còn **03** bộ ngành (*Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Thanh tra Chính phủ*) chưa chọn được doanh nghiệp đồng hành để triển khai Hệ thống thông tin giải quyết TTHC thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

V. THỰC TRẠNG TRIỂN KHAI HỆ THỐNG IOC CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

1. Tình trạng

Qua Giai đoạn khảo sát từ xa với 34 tỉnh, thành phố, hiện trạng triển khai hệ thống IOC của các địa phương như sau:

- **Đang triển khai: 30/34** tỉnh, thành phố; trong đó:

+ Tự đầu tư: **16** tỉnh, thành phố (*Vĩnh Long, Cà Mau, Thành phố Đà Nẵng, Đồng Nai, Gia Lai, Thành phố Hà Nội, Lâm Đồng, Tây Ninh, Phú Thọ, Khánh Hoà, Bắc Ninh, Thành phố Huế, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên, Thành phố Cần Thơ*);

+ Thuê dịch vụ của doanh nghiệp: **14** tỉnh, thành phố (*Đồng Tháp, Hưng Yên, Nghệ An, Thanh Hoá, Sơn La, Lạng Sơn, Quảng Ngãi, Tuyên Quang, Ninh Bình, Thành phố Hải Phòng, Hà Tĩnh, Đắk Lắk, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh*).

- **Chưa triển khai: 04/34** tỉnh, thành phố (*Thái Nguyên, An Giang, Cao Bằng, Quảng Trị*).

2. Nguồn dữ liệu cung cấp

- Nguồn dữ liệu chủ yếu hiện nay của các IOC vẫn là hệ thống Camera giám sát, hệ thống quản lý văn bản.

- Chỉ có **16/30** IOC (*chiếm tỉ lệ 53%*) đã triển khai là có kết nối tới các Hệ thống thông tin của Sở ngành, từ đó xác định được các lĩnh vực dữ liệu triển khai tại IOC (*Đồng Tháp, Cà Mau, Thành phố Đà Nẵng, Gia Lai, Thành phố Hà Nội, Lâm Đồng, Tây Ninh, Hưng Yên, Nghệ An, Khánh Hoà, Bắc Ninh, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Ninh Bình, Thành phố Hải Phòng, Hà Tĩnh, Lai Châu, Điện Biên*).

3. Kinh phí

3.1. Đăng ký kinh phí chung

Theo thống kê của Bộ Khoa học và Công nghệ, trong năm 2025, đã có 27/34 địa phương đăng ký (06 đơn vị chưa đăng ký gồm: Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Đồng Nai), cụ thể như sau:

- Đăng ký đợt 1 để thực hiện triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP với tổng số tiền là **1,5 nghìn tỷ**.

- Đăng ký để thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW: **3,6 nghìn tỷ**.

- Tổng đăng ký kinh phí của các địa phương là: **5,1 nghìn tỷ**.

3.2. Đăng ký kinh phí IOC

- **Đề xuất đầu tư trong năm 2025:** Mới có 04 tỉnh, thành phố đề xuất, với tổng số là **19 tỷ đồng** (Cà Mau: 2,2 tỷ đồng; Lâm Đồng: 7,7 tỷ đồng; Nghệ An: 2,1 tỷ đồng; Sơn La: 7 tỷ đồng).

- **Tổng kinh phí đề xuất đến năm 2030:** Mới có 09 tỉnh, thành phố đề xuất, với tổng số là **202,6 tỷ đồng** (Đồng Tháp: 150 tỷ đồng; Cà Mau: 2,2 tỷ đồng; Lâm Đồng: 7,7 tỷ đồng; Tây Ninh: 5 tỷ đồng; Hưng Yên: 5 tỷ đồng; Nghệ An: 7,9 tỷ đồng; Sơn La: 7 tỷ đồng; Cao Bằng: 12 tỷ đồng; Hà Tĩnh: 5,8 tỷ đồng).

C. TỒN TẠI, HẠN CHẾ

I. VỀ TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 06

1. Đối với các mục tiêu chỉ tiêu đề ra đến năm 2025 của Đề án 06 còn một số chỉ tiêu chưa hoàn thành, cụ thể là:

(1) Nhóm tiện ích giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- **Mục tiêu đề ra:** Theo lộ trình Đề án 06 và các Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ **đề ra chỉ tiêu đến năm 2025:** 100% các dịch vụ công trực tuyến theo quy định của pháp luật được thực hiện toàn trình; 50% dân số trưởng thành có sử dụng dịch vụ công trực tuyến; 100% người dân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận một cửa các cấp được định danh, xác thực điện tử, không xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy; 100% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được gắn số định danh cá nhân; 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính về cư trú, hộ tịch, xuất nhập cảnh, cấp căn cước công dân; 50% các thủ tục hành chính, giấy tờ của người dân liên quan đến dữ liệu dân cư được cắt giảm...

- **Kết quả: còn 04 chỉ tiêu chưa hoàn thành, gồm:** ⁽¹⁾ 100% các DVC trực tuyến theo quy định của pháp luật được thực hiện toàn trình (đến nay mới có 25 DVC trực tuyến toàn trình); ⁽²⁾ 50% dân số trưởng thành có sử dụng DVC trực tuyến; ⁽³⁾ 50% các thủ tục hành chính, giấy tờ của người dân liên quan đến dữ liệu được cắt giảm (bộ ngành 39,67%; địa phương 39,60%); ⁽⁴⁾ Còn 12 dịch vụ công thiết yếu chưa tích hợp lên Cổng DVC quốc gia, thuộc trách nhiệm của các bộ: Nội vụ (01 dịch vụ), Giáo dục và Đào tạo (03 dịch vụ), Y tế (04 dịch vụ), Văn hóa Thể thao và Du lịch (01 dịch vụ), Nông nghiệp và Môi trường (01 dịch vụ), Tài chính (01 dịch vụ)....

(2) Nhóm tiện ích về phát triển kinh tế, xã hội

- **Mục tiêu đề ra:** Các Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã đề ra đến năm 2025: Kinh tế số chiếm **20% GDP**; theo lộ trình Đề án 06, cần tập trung khai thác, sử dụng thông tin dân cư, căn cước công dân, định

danh và xác thực điện tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; **tăng cường truy thu thuế cho Nhà nước; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt** trên các lĩnh vực; **60%** người dân được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, trợ cấp thất nghiệp qua tài khoản cá nhân. **Ứng dụng CCCD gắn chip và VNeID vào các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, viễn thông, điện, nước... cho phép mở tài khoản, ký hợp đồng, thanh toán điện tử... bằng định danh điện tử**

- **Kết quả thực hiện:** Các bộ ngành, địa phương chưa hoàn thiện hành lang pháp lý, văn bản quy định về việc gắn mã định danh cá nhân, tổ chức vào các giấy tờ, hồ sơ liên quan để đảm bảo tính duy nhất và giá trị pháp lý trong các hoạt động giao dịch của người dân, doanh nghiệp.

(3) Nhóm tiện ích phát triển công dân số

- **Mục tiêu đề ra:** tại các Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và lộ trình Đề án 06 là đến năm 2025: **100% công dân** được tạo lập danh tính điện tử; **xác thực 100%** thông tin thiết yếu, quan trọng trên VNeID hoặc qua thẻ căn cước công dân gắn chip (*thông tin tiêm chủng, xét nghiệm, giấy phép lái xe, đăng ký xe...*), **từng bước thay thế các giấy tờ** của công dân trong một số giao dịch theo quy định của pháp luật; cung cấp các dịch vụ công, dịch vụ thương mại phục vụ tiện ích số của công dân trên ứng dụng VNeID, như: Dịch vụ cư trú, căn cước công dân, thương mại điện tử, thanh toán điện tử và các dịch vụ khác; phần đầu đạt trên **40 triệu** tài khoản người dùng trên ứng dụng VNeID; **50%** dân số có tài khoản thanh toán điện tử; **80%** dân số trưởng thành có điện thoại thông minh; **tỷ lệ dân số từ 15 tuổi** trở lên có giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khai thác đạt **80%**; **Tỷ lệ dân số trưởng thành** có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân **đạt trên 50%**; cung cấp các dịch vụ công, dịch vụ thương mại phục vụ tiện ích số của công dân trên ứng dụng định danh điện tử...

- **Kết quả thực hiện:** Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 50%; chưa hoàn thành (*theo báo cáo của Bộ KHCN mới đạt 33%*)

(4) Về kết nối, xác thực và chuẩn hóa dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu khác

- **Mục tiêu đề ra:** Theo lộ trình của Đề án 06/CP: tập trung hoàn thành kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành đã có để “*làm sạch*” bảo đảm giải quyết các thủ tục phục vụ công dân chính xác và thuận lợi. Đối với bộ, ngành đang triển khai, xây dựng cơ sở dữ liệu cần trao đổi, thống nhất với Bộ Công an trong việc triển khai, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để triển khai bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả. Năm 2023 và các năm tiếp theo phải bảo đảm tích hợp, kết nối, chia sẻ thông tin giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương bảo đảm thông suốt, hoạt động hiệu quả.

- **Kết quả thực hiện:** Còn 3 chỉ tiêu chưa hoàn thành thuộc trách nhiệm của Bộ Tư pháp (*kết nối chia sẻ dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với CSDL quốc gia về xử lý vi phạm hành chính*); Bộ Giáo dục và Đào tạo (*kết nối chia sẻ dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với CSDL về giáo dục nghề nghiệp*); Bộ Nội vụ (*kết nối chia sẻ dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với CSDL về lao động việc làm*).

(5) Về nhóm phục vụ công tác chỉ đạo điều hành

- **Mục tiêu đề ra:** Kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư với các CSDL khác để làm giàu dữ liệu dân cư nhằm tổng hợp, phân tích, dự báo các thông tin đã được làm giàu qua việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với các CSDL khác để phục vụ việc điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hoạch định chính sách, kinh tế - xã hội; đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân, của bộ ngành, địa phương và tổ chức, doanh nghiệp.

- **Kết quả thực hiện:** Các dữ liệu khác chưa đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống” theo thời gian thực, dẫn tới mới chỉ phân tích được các chỉ số chỉ đạo điều hành từ CSDL quốc gia về dân cư và CSDL bảo hiểm. Ngay cả với 2 bộ dữ liệu này, các bộ ngành cũng chưa nhận thức được tầm quan trọng và giá trị mang lại cho công tác chỉ đạo điều hành.

2. Trong năm 2025, phải sơ kết giai đoạn 1 của Đề án 06, tuy nhiên, đến nay vẫn còn **28** nhiệm vụ chậm tiến độ thuộc trách nhiệm của 11 bộ, ngành (*Y tế (3 nhiệm vụ), Tài chính (2 nhiệm vụ), Nông nghiệp và Môi trường (3 nhiệm vụ), Nội vụ (3 nhiệm vụ), Khoa học và Công nghệ (08 nhiệm vụ), Giáo dục và Đào tạo (4 nhiệm vụ), Ngoại giao, Xây dựng, Tư pháp, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thanh tra Chính phủ mỗi đơn vị chậm 1 nhiệm vụ*)), trong đó, 26 nhiệm vụ đã được báo cáo tiến độ, 04 nhiệm vụ chưa được báo cáo tiến độ trên phần mềm Đề án 06, cụ thể:

(1) **Bộ Nội vụ** có **03** nhiệm vụ, trong đó điển hình: Chưa hoàn thành ban hành cơ chế, chính sách thu hút nguồn nhân lực, nhân tài khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong và ngoài nước, có chính sách đãi ngộ đặc biệt để thu hút ít nhất 100 chuyên gia hàng đầu về nước làm việc (*chậm tiến độ 01 tháng theo chỉ đạo tại Nghị quyết 205/NQ-CP ngày 06/7/2025*)

(2) **Bộ Tư pháp** có **01** nhiệm vụ: chưa hoàn thành Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với các Cơ sở dữ liệu của ngành Tư pháp như Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, Cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính, Cơ sở dữ liệu quốc tịch, Cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp, Cơ sở dữ liệu trợ giúp pháp lý, Cơ sở dữ liệu về các tổ chức hành nghề công chứng, Cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự nói chung (*chưa hoàn thành theo lộ trình Đề án 06 và Chỉ thị 04/CT-TTg ngày 11/02/2024*).

(3) **Bộ Y tế** có **03** nhiệm vụ, điển hình là: chưa báo cáo đề xuất vấn đề hợp tác công tư để xuất giải pháp, chính sách hợp tác đầu tư công tư để nhân rộng trên toàn quốc đối với Hệ thống điều phối dữ liệu y tế (*nhiệm vụ phải hoàn thành trong tháng 4/2025, chậm tiến độ 03 tháng*).

(4) **Bộ Khoa học và Công nghệ** có **08** nhiệm vụ, trong đó điển hình: ⁽¹⁾ Chưa ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật phương thức định danh khách hàng trực tuyến (EKYC trong lĩnh vực ngân hàng nói riêng, và giao dịch điện tử nói chung để phòng ngừa các loại tội phạm). ⁽²⁾ Chưa xây dựng bộ tiêu chí để xác định Doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các nước tiên tiến (*nhiệm vụ phải hoàn thành trong tháng 6/2025, chậm tiến độ 03 tháng*). ⁽³⁾ Chưa hoàn thành Định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá lập dự toán chi phí các hoạt động liên quan đến chuyển đổi số, xây dựng, cập nhật, khai thác, sử dụng, bảo trì, bảo mật CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; làm căn cứ để các bộ, ngành, địa phương xây dựng dự toán thực

hiện chiến lược dữ liệu Quốc gia (*nhiệm vụ phải hoàn thành trong tháng 6/2025, chậm tiến độ 03 tháng*).

(5) Bộ Nông nghiệp và Môi trường có **03** nhiệm vụ, trong đó điển hình: Chưa hoàn thành tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai (*nhiệm vụ phải hoàn thành trong tháng 6/2025, chậm tiến độ 03 tháng*); Đôn đốc địa phương khẩn trương tập trung nguồn lực, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương (*nhiệm vụ phải hoàn thành trong tháng 6/2025, chậm tiến độ 03 tháng*).

(6) Bộ Giáo dục và Đào tạo có **04** nhiệm vụ, trong đó điển hình: Chưa hoàn thành kết nối CSDL về Giáo dục nghề nghiệp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (*phải hoàn thành trong tháng 9/2024, chậm tiến độ 11 tháng*). Chưa hoàn thành việc tham mưu, trình Chính phủ ban hành nghị định về chính sách học bổng cho người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật then chốt và công nghệ chiến lược (*phải hoàn thành trong tháng 7/2025, chậm tiến độ 02 tháng*).

(7) Bộ Tài chính có **02** nhiệm vụ, trong đó: Chưa hoàn thành phân bổ kinh phí theo dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt liên quan đến KHCN-CĐS và ĐMST; tham mưu việc hỗ trợ kinh phí trong chuyển đổi số cho các địa phương có khó khăn về ngân sách (*nhiệm vụ phải hoàn thành trong tháng 7/2025, chậm tiến độ 02 tháng*).

(8) Bộ Xây dựng có **01** nhiệm vụ: Chưa hoàn thành phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ và 6 thành phố trực thuộc trung ương rà soát, xây dựng, phê duyệt Đề án đô thị thông minh.

(9) Bộ Ngoại giao có **01** nhiệm vụ: đề xuất phương án hoàn thiện chính sách thị thực, mở rộng việc cấp thị thực điện tử, nhất là đối với các nhà đầu tư, chuyên gia, chính sách cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài theo hướng thông thoáng, thân thiện, cởi mở hơn, giảm thiểu thủ tục để thu hút các nhà đầu tư có năng lực, tài chính, các chuyên gia, người lao động có trình độ chuyên môn, tay nghề cao, góp phần thúc đẩy thu hút, hợp tác đầu tư, phát triển kinh tế, khoa học và công nghệ và hội nhập quốc tế (*nhiệm vụ phải hoàn thành trong tháng 3/2025, chậm tiến độ 06 tháng*)

(10) Viện Kiểm sát nhân dân tối cao có **01** nhiệm vụ: Chưa hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu thông tin Quyết định thi hành các biện pháp ngăn chặn đối với công dân đang trong quá trình điều tra; Cơ sở dữ liệu thống kê tư pháp, thống kê tội phạm; các Cơ sở dữ liệu khác liên quan đến công chức viên chức trong ngành (*theo chỉ đạo tại lộ trình Đề án*).

(11) Thanh tra Chính phủ có **01** nhiệm vụ: Chưa hoàn thành kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu quốc gia về khiếu nại tố cáo; Cơ sở dữ liệu quốc gia về quản lý tài sản, thu nhập.

II. VỀ XÂY DỰNG CƠ SỞ DỮ LIỆU, THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA BỘ, NGÀNH THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 214/NĐ-CP

1. Về nhận thức

(1) Các bộ ngành chưa xác định được đâu là **dữ liệu chủ, dữ liệu gốc**, cách thức liên thông và chia sẻ dữ liệu. **Nguy cơ:** xây dựng chồng chéo, không thống

nhất, không có tính liên thông, kế thừa, **gây lãng phí**; Không thể xây dựng được Chiến lược dữ liệu và từ điển dữ liệu dùng chung.

(2) Nhận thức **dữ liệu phải phát sinh từ nghiệp vụ**: Các Bộ ngành chưa có quy định về quy trình điện tử, mới nhận thức được tạo lập dữ liệu bằng việc nhập liệu, số hoá. **Nguy cơ**: dữ liệu không được tạo lập từ quy trình nghiệp vụ, không đáp ứng “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”.

(3) Nhận thức về số hoá dữ liệu chưa đầy đủ. Dữ liệu trước số hoá chưa được phân loại theo loại hình, độ mật, giá trị sử dụng...; dữ liệu sau khi số hoá không được gắn vào các quy trình điện tử, để thực hiện các yêu cầu nghiệp vụ. **Nguy cơ**: Số hoá vừa thừa vừa thiếu, gây lãng phí, dữ liệu không được khai thác, phát triển, tái sử dụng, **gây lãng phí, mất an ninh an toàn bảo mật**.

(4) Các bộ ngành chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc xây dựng các nền tảng, phần mềm dùng chung xuyên suốt từ trung ương, địa phương. **Nguy cơ**: các đơn vị, địa phương mua sắm, xây dựng chồng chéo, gây lãng phí; dữ liệu tạo ra không đồng nhất về chất lượng, định dạng, không thể chia sẻ và khai thác trong toàn bộ hệ thống chính trị.

(5) **Đối với các doanh nghiệp đồng hành**: Mặc dù các đồng chí Tổng giám đốc/ Chủ tịch đã ký cam kết đồng hành, nhưng sau 2 tháng triển khai, nhân sự tham gia khảo sát, tư vấn chưa đáp ứng về số lượng và chất lượng chuyên môn; thông tin chưa được chia sẻ kịp thời, ảnh hưởng đến tiến độ và chất lượng công việc.

2. Về pháp lý

(1) Hành lang pháp lý chưa hoàn thiện:

- Các đơn vị chưa chủ động xây dựng, ban hành các văn bản theo thẩm quyền về trách nhiệm tạo lập, cập nhật, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

- Chưa có chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu của các bộ ngành, địa phương. Một số bộ ngành đã ban hành chiến lược, danh mục dữ liệu, nhưng chưa cá thể hoá chi tiết cho các đơn vị, địa phương để áp dụng thống nhất trong thực tế, dẫn đến không xác định được mục tiêu, phạm vi, không xây dựng được lộ trình triển khai cụ thể.

- Chưa có văn bản quy định về việc gắn mã định danh cá nhân, tổ chức vào các giấy tờ, hồ sơ liên quan để đảm bảo tính duy nhất và giá trị pháp lý.

(2) **Đã ban hành các quy định, chính sách nhưng chưa có hướng dẫn chi tiết thi hành**. Ví dụ như các bộ ngành chưa có hướng dẫn, quy định chi tiết về cắt giảm TTHC (tuân thủ theo Nghị định 69, Luật Giao dịch điện tử), dẫn đến cán bộ các cấp vẫn yêu cầu người dân phải cung cấp hồ sơ giấy khi giải quyết TTHC.

(3) **Đã ban hành quy định, chính sách và có hướng dẫn chi tiết**, nhưng các bộ ngành, địa phương **không bám sát** để áp dụng. Ví dụ như đã có Nghị quyết 193, Nghị quyết số 04 hướng dẫn về cơ chế tài chính, nguồn vốn, đấu thầu, hợp tác công tư, nhưng các bộ ngành, địa phương không đăng ký kinh phí để xây dựng các CSDL.

3. Về thủ tục hành chính

(1) **Tình trạng địa phương hoá TTHC:** TTHC gốc do Bộ, ngành Trung ương ban hành, nhưng khi triển khai tại địa phương thì được điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với đặc thù, điều kiện thực tiễn tại địa phương³⁰: **5.801** thủ tục hành chính được trung ương ban hành đã được địa phương hóa thành **72.717** thủ tục. *Nguy cơ:* Không thống nhất giữa các địa phương, khó khăn cho doanh nghiệp và người dân khi làm thủ tục ở nhiều tỉnh khác nhau; khó khăn cho việc tạo lập, tích hợp, chuẩn hóa dữ liệu, không đảm bảo tính kịp thời (do cần số hoá hồ sơ hoặc xây dựng phần mềm); không đáp ứng mô hình triển khai theo chỉ đạo tại Thông báo kết luận số 39 của BCĐTW giao các bộ ngành xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng đảm bảo dùng chung, vận hành xuyên suốt từ Trung ương đến địa phương.

(2) Qua rà soát **946 TTHC** có thành phần hồ sơ có thể thay thế bằng dữ liệu nhưng các bộ ngành chưa thực hiện đánh giá để cắt giảm thành phần hồ sơ tương ứng.

(3) Việc số hoá kết quả giải quyết TTHC của bộ ngành, địa phương chưa đáp ứng tiến độ của Kế hoạch 02 (**01/7/2025**), Nghị quyết 214.

5. Về hạ tầng và bảo mật

5.1. Về hạ tầng Công nghệ thông tin của các bộ ngành: Chưa có kiến trúc tổng thể, tập trung, thống nhất; chưa có nền tảng dùng chung và dữ liệu tập trung, dẫn tới đầu tư trùng lặp lãng phí. Trang thiết bị lạc hậu, không đồng bộ, không có khả năng nâng cấp, chưa đăng ký, phân bổ kinh phí phù hợp để vận hành, ảnh hưởng lớn đến khả năng vận hành các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành, cũng như khả năng kết nối, chia sẻ dữ liệu trong toàn bộ hệ thống chính trị (*điển hình như Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch*).

5.2. Về hạ tầng trung tâm IOC: Đang triển khai tại 30/34 địa phương (tự đầu tư: 16 đơn vị; thuê dịch vụ của doanh nghiệp: 14 đơn vị). Còn 4 đơn vị **Thái Nguyên, An Giang, Cao Bằng, Quảng Trị** chưa triển khai.

- Nguồn dữ liệu cung cấp của các IOC vẫn là hệ thống Camera giám sát, hệ thống quản lý văn bản; Chỉ có **16/30 IOC (chiếm 53%)** đã triển khai kết nối tới các Hệ thống thông tin của Sở ngành để xác định được các lĩnh vực dữ liệu.

5.3. Về an ninh an toàn, bảo mật

- Năm 2024-2025, Việt Nam chứng kiến gia tăng cả về số lượng, tần suất, mức độ tinh vi và quy mô của các sự cố có khả năng gây thiệt hại lớn cho người dân và tổ chức (*bao gồm rò rỉ dữ liệu cá nhân quy mô lớn, tấn công mã độc, lừa đảo*).

- Một số bộ ngành có hệ thống được phê duyệt cấp độ 3, qua rà soát còn thiếu thiết bị, giải pháp bảo mật (*Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Thanh tra Chính phủ*)

- Nhận thức về an ninh bảo mật của các đơn vị, người dùng mới dừng ở mức bảo mật hệ thống, **chưa nhận thức được tầm quan trọng của bảo mật dữ liệu.** Công tác đào tạo, tập huấn an ninh bảo mật cho cán bộ, công chức trên nền tảng **Bình dân học vụ số** chưa được các đơn vị quan tâm; dẫn đến có hệ thống đã đáp ứng cấp

³⁰ Ví dụ: Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu, được Bộ Khoa học công nghệ ban hành cho UBND cấp Tỉnh thực hiện, quy định 03 hình thức nộp (trực tiếp, trực tuyến, dịch vụ bưu chính). Tuy nhiên, về địa phương có khác biệt về hình thức nộp và cơ quan thực hiện. Điển hình: Lai Châu, thủ tục này chỉ có 02 hình thức nộp (trực tiếp và dịch vụ bưu chính); Cà Mau, thủ tục này lại do Sở KHCN thực hiện.

độ 3, nhưng vẫn đề xảy ra lộ lọt dữ liệu (*như sự cố với hệ thống thông tin tín dụng của Ngân hàng nhà nước*).

- Chưa áp dụng các giải pháp kiểm soát thiết bị đầu cuối, giải pháp xác thực người dùng truy cập vào hệ thống. Chưa có cơ chế kiểm tra giám sát việc sử dụng dữ liệu sai mục đích, sai thẩm quyền (*tra cứu dữ liệu dân cư không phục vụ giải quyết thủ tục hành chính*).

6. Về kinh phí

- Các bộ, ngành chưa quan tâm chỉ đạo việc lập dự toán trên cơ sở nhiệm vụ được giao, chưa xác định được kinh phí cho việc hình thành nền tảng và số hóa, tạo lập dữ liệu. Mới có **06 bộ** (*Xây dựng; Tòa án nhân dân tối cao; Tư pháp; Nội vụ; Dân tộc và Tôn giáo; Tài chính*) đăng ký **2.422 tỷ** để xây dựng các cơ sở dữ liệu. Các doanh nghiệp đồng hành đề xuất bổ sung là: **742 tỷ** cho 03 Bộ (*Y tế Thanh tra Chính phủ, Tài chính*).

- Các địa phương chưa lập dự toán kinh phí số hóa, tạo lập và cập nhật CSDL trên nền tảng của các bộ ngành và thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số. Theo thống kê của Bộ Khoa học và Công nghệ, tính đến 9/9/2025, có **29 địa phương** đăng ký **5,1 nghìn tỷ** để triển khai thực hiện các nhiệm vụ. Còn **05** đơn vị chưa đăng ký gồm: Bắc Ninh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Hà Nội, Đồng Nai.

- Tính tới ngày 19/9/2025, các bộ ngành **chưa ký hợp đồng** với đơn vị tư vấn để lập dự án theo quy định của pháp luật.

C. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM THỜI GIAN TỚI CỦA ĐỀ ÁN 06

1. Các bộ, ngành, địa phương khẩn trương đề ra lộ trình khắc phục 28 nhiệm vụ chậm tiến độ của Đề án 06; các nhiệm vụ chậm tiến độ của Nghị quyết số 175/NQ-CP về triển khai Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2. Tập trung triển khai 201 nhiệm vụ phải hoàn thành trong năm 2025 thuộc trách nhiệm của 15 bộ, ngành: Bộ Nội vụ - 17 nhiệm vụ, Bộ Y tế - 4 nhiệm vụ, Bộ Khoa học và Công nghệ - 68 nhiệm vụ, Bộ Nông nghiệp và Môi trường - 07 nhiệm vụ, Bộ Giáo dục và Đào tạo - 24 nhiệm vụ, Bộ Tài chính - 48 nhiệm vụ, Bộ Xây dựng - 04 nhiệm vụ, Bộ Ngoại giao - 07 nhiệm vụ, Bộ Quốc phòng - 03 nhiệm vụ, Ban Cơ yếu Chính phủ - 06 nhiệm vụ, Ngân hàng nhà nước Việt Nam - 04 nhiệm vụ, Văn phòng Chính phủ - 06 nhiệm vụ, Tòa án nhân dân tối cao - 03 nhiệm vụ.

D. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT ĐỒNG CHÍ THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CHỈ ĐẠO

1. Nhiệm vụ chung

(1) **Về nhận thức**, các cơ quan chủ quản cần khẩn trương quán triệt về nhận thức, xác định rõ nội hàm cơ sở dữ liệu (*dữ liệu chủ, dữ liệu gốc, thẩm quyền đối với dữ liệu, khả năng liên thông, kế thừa*); từ đó xây dựng được Chiến lược dữ liệu và từ điển dữ liệu dùng chung.

Đối với **12** cơ sở dữ liệu quốc gia, trọng yếu tại Kế hoạch 02 và **105** cơ sở dữ liệu theo Nghị quyết 71 được giao hoàn thành trong năm 2025 nhưng các bộ, ngành khẳng định chỉ hoàn thành được **04/12** và **54/105 cơ sở dữ liệu**, cần có **báo cáo giải trình** gửi Ban Chỉ đạo Trung ương, Chính phủ, xây dựng kế hoạch chi tiết và lộ trình cụ thể. Hoàn thành báo cáo trong ngày 20/9/2025.

(2) **Về pháp lý**, các đơn vị chủ động xây dựng, ban hành các văn bản theo thẩm quyền, có hướng dẫn chi tiết về trách nhiệm tạo lập, cập nhật, khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu, đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”, đồng bộ về Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Ban hành hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành các quy định gắn mã định danh cá nhân, tổ chức với tất cả các giấy tờ có liên quan đến cá nhân, tổ chức để bảo đảm tính duy nhất, giá trị pháp lý.

(3) Về dữ liệu và thủ tục hành chính

- **Về dữ liệu**, các cơ quan chủ quản cần lưu ý đảm bảo các CSDL được tạo lập từ quy trình nghiệp vụ, dữ liệu sau khi số hoá được gắn vào các quy trình điện tử, tái sử dụng để phục vụ chỉ đạo điều hành và giải quyết TTHC.

+ Đối với 32 CSDL đã xây dựng, sử dụng có khả năng kết nối ngoài ngành: chuẩn hoá dữ liệu, nâng cấp hệ thống, bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, kết nối về Trung tâm Dữ liệu quốc gia.

+ Đối với 29 CSDL đã xây dựng, chỉ sử dụng nội ngành: tái cấu trúc dữ liệu, nâng cấp hệ thống để có thể kết nối, chia sẻ với các CSDL khác trong hệ thống chính trị.

+ Đối với 55 CSDL (đang xây dựng và chưa xây dựng), cần xây dựng kế hoạch, lịch trình cụ thể, đăng ký kinh phí và triển khai đúng tiến độ.

- **Về thủ tục hành chính**, đề nghị các bộ, ngành, địa phương tái cấu trúc quy trình, phối hợp với Bộ Công an rà soát, đánh giá, cắt giảm thành phần hồ sơ đối với giấy tờ đã được tích hợp trên VNeID và dữ liệu đang khai thác từ các bộ, ngành; **số hoá kết quả giải quyết TTHC và hiển thị trên VNeID**; nghiên cứu đề xuất triển khai mô hình hệ thống giải quyết TTHC tập trung tại cấp bộ, phân quyền cho địa phương sử dụng, giảm tình trạng địa phương hoá TTHC.

(3) **Về hạ tầng CNTT**: thiết kế và xây dựng hạ tầng theo kiến trúc tổng thể, tập trung, thống nhất. Triển khai các nền tảng, phần mềm dùng chung xuyên suốt từ trung ương, địa phương. Ban hành quy chuẩn và thực hiện trang bị, bổ sung các thiết bị đầu cuối (*phần cứng, phần mềm, an ninh bảo mật*).

Khẩn trương đánh giá, xây dựng lộ trình triển khai, nâng cấp, hợp nhất các trung tâm điều hành thông minh (IOC), đảm bảo khả năng kết nối, tích hợp toàn diện với nhiều nguồn dữ liệu, phục vụ xuyên suốt các yêu cầu chỉ đạo điều hành giữa trung ương và địa phương

(4) Về an ninh bảo mật

- Bộ Công an đã cung cấp các tài liệu, giáo trình tập huấn đảm bảo an ninh an toàn thông tin, bảo mật thiết bị đầu cuối, đề nghị các bộ, ngành, địa phương tổ chức tập huấn trên nền tảng **Bình dân học vụ số, phần đầu cắt giảm 80%** chi phí so với hình thức đào tạo truyền thống.

- Phối hợp với Bộ Công an (C06) triển khai giải pháp kiểm soát thiết bị đầu cuối, giải pháp xác thực người dùng truy cập vào hệ thống.

- Các bộ ngành, địa phương tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, xử lý sai phạm của cán bộ trong việc tra cứu dữ liệu dân cư sai mục đích.

(5) Về tài chính, các đơn vị khẩn trương rà soát nhu cầu, xây dựng danh mục đầu tư, khái toán kinh phí để triển khai các nền tảng dùng chung, CSDL và đăng ký vốn. Hoàn thành trước ngày 20/9/2025.

(6) Về các nhiệm vụ phải thực hiện trong năm 2025

- Các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng ngành ký xác nhận các nhiệm vụ chậm tiến độ, các nhiệm vụ phải hoàn thành trong năm 2025 theo phụ lục, gửi về thư ký tổ công tác sau cuộc họp ngày hôm nay.

- Để phục vụ việc sơ kết giai đoạn 2022-2025, ban hành chương trình triển khai giai đoạn 2026-2030 của Đề án 06: ⁽¹⁾ Bộ Khoa học Công nghệ gửi báo cáo sơ kết 03 năm về thư ký tổ công tác **trong ngày 20/9/2025**; ⁽²⁾ Các bộ ngành đăng ký mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp triển khai Đề án 06 giai đoạn 2025-2030 (***gửi về Thư ký tổ công tác trước ngày 25/9/2025***); ⁽³⁾ Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an trong quá trình đề xuất Thủ tướng Chính phủ về thời gian sơ kết và đề xuất khen thưởng.

2. Nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ, ngành

(1) Bộ Khoa học và Công nghệ: Có trách nhiệm hướng dẫn các bộ, ngành thực hiện xây dựng các nền tảng dùng chung; Xây dựng, ban hành văn bản hướng dẫn các bộ, cơ quan, địa phương về các hạng mục đầu tư cho Chuyển đổi số. **Hoàn thành trước 25/9/2025.**

Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông di động thực hiện kết nối, chia sẻ thông tin số thuê bao di động để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và khóa các thuê bao di động chưa định danh chính chủ (**Hoàn thành trong tháng 9/2025**). Đồng thời, yêu cầu xác thực sinh trắc học đối với tài khoản thuê bao di động mới **từ tháng 9/2025. Đến 31/12/2025** thực hiện khóa các tài khoản thuê bao chưa thực hiện xác thực sinh trắc học. **Đến 31/3/2026**, người dân có thể chủ động lựa chọn một số thuê bao di động để đăng ký làm số thuê bao chính để nhận thông báo từ các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp theo Luật Căn cước.

(2) Bộ Tư pháp: Xây dựng ngay lộ trình chi tiết đối với CSDL Xử lý vi phạm hành chính, báo cáo Tổ Công tác **trong tháng 9/2025**. Phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an triển khai cấp giấy khai sinh người Việt Nam tại nước ngoài theo phương thức trực tuyến (**hoàn thành trước ngày 01/12/2025**).

(3) Bộ Nội vụ: Phối hợp với Bộ Công an xây dựng và hoàn thiện Kế hoạch của Ban Chỉ đạo 515 về thu nhận mẫu sinh phẩm ADN thân nhân và hài cốt liệt sỹ chưa xác định danh tính. **Hoàn thành trong tháng 09/2025.**

(4) Bộ Giáo dục và Đào tạo: Ban hành hướng dẫn tạm thời để các địa phương và các trường số hoá toàn bộ dữ liệu bằng cấp, chứng chỉ của năm học 2024-2025, hoàn thành **trước ngày 01/10/2025**. Ban hành quy định và số hoá dữ liệu bằng cấp, chứng chỉ, hoàn thành **trước ngày 15/12/2025**. Đề xuất giải pháp sử dụng mã định danh công dân để định danh bằng cấp, bằng điểm, học bạ, hoàn thành **trước ngày 15/12/2025**.

(5) Bộ Nông nghiệp và Môi trường: Chủ trì, phối hợp, đôn đốc các địa phương bám sát lộ trình Kế hoạch triển khai chiến dịch 90 ngày đêm làm giàu, làm sạch

CSDL quốc gia về đất đai; kết nối thông suốt với cơ sở dữ liệu thuế; **hoàn thành số hoá, làm sạch dữ liệu đất ở, nhà ở để đưa vào sử dụng trong năm 2025.**

(6) Bộ Y tế: Đánh giá và đề xuất giải pháp, chính sách hợp tác đầu tư công tư để nhân rộng trên toàn quốc đối với Hệ thống điều phối dữ liệu ngành y tế bảo đảm theo đúng quy định, **hoàn thành trong tháng 9/2025.** Ban hành văn bản hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các bệnh viện, cơ sở y tế tư nhân kết nối, chia sẻ dữ liệu lên Hệ thống điều phối dữ liệu ngành y tế, **hoàn thành trong tháng 9/2025.**

(7) Bộ Tài chính: Hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương khẩn trương rà soát nhu cầu, xây dựng danh mục đầu tư, khái toán kinh phí để triển khai các nền tảng dùng chung, CSDL và đăng ký vốn. **Hoàn thành trong tháng 9/2025.**

(8) Bộ Xây dựng: phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Môi trường thống nhất tạo lập dữ liệu ban đầu đối với dữ liệu về nhà ở, **hoàn thành trong tháng 9/2025.**

(9) Thanh tra Chính phủ: **phần đầu đến 25/11/2025** hoàn thiện phần mềm và triển khai được phần thông tin kiểm soát tài sản, thu nhập; **đến 15/12/2025** hoàn thiện phần mềm và triển khai được phần xác minh, kết nối, chia sẻ được với dữ liệu đất đai, dữ liệu tài khoản ngân hàng.

(10) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam: Chỉ đạo các ngân hàng triển khai giải pháp để người dân tạo lập tài khoản an sinh xã hội, phần đầu trong năm 2025, 100% người dân Việt Nam, mỗi người có một tài khoản an sinh xã hội. Thực hiện rà soát tài khoản ngân hàng của người dân trên VNeID để làm sạch phục vụ chỉ trả an sinh xã hội, đảm bảo tính minh bạch, tránh lừa đảo.

(11) Toà án nhân dân tối cao: ban hành hướng dẫn tạm thời quy định thống nhất biểu mẫu các bản án, quyết định của Toà án, trong đó đảm bảo đầy đủ các trường thông tin nhân thân, căn cước/số định danh cá nhân, tổ chức, hoàn thành trong tháng 9/2025 để thực hiện từ ngày 01/10/2025. Chỉ đạo thực hiện số hoá bản án, quyết định của Toà án để khai thác, sử dụng, hoàn thành trước ngày 15/12/2025.

(12) Văn phòng Chính phủ: chủ trì hướng dẫn chuẩn hoá danh mục kết quả giải quyết và thành phần hồ sơ của các thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cập nhật công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, bảo đảm thống nhất, đồng bộ; đôn đốc **các bộ ngành, địa phương khắc phục tình trạng địa phương hóa các thủ tục hành chính, hoàn thành trong 10/2025.**

(13) Bộ Công Thương: chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ rà soát lại việc kết nối, triển khai thủ tục thông báo hoạt động khuyến mại với Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, bảo đảm việc triển khai tiếp nhận, giải quyết của Sở Công Thương được trực tuyến, thông suốt. Hoàn thành trước 26/9/2025.

3. Đồng chí Chủ tịch UBND các địa phương chỉ đạo

- Các sở, ngành và xã, phường thực hiện nghiêm Luật Giao dịch điện tử năm 2023 và các nghị định liên quan về định danh, không yêu cầu chứng thực trái quy định. ***Không được yêu cầu cá nhân, tổ chức nộp bản sao có chứng thực đối với các thủ tục pháp luật chỉ yêu cầu nộp bản sao.***

- Rà soát, tái cấu trúc quy trình nội bộ, quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu thông suốt để tái sử dụng

dữ liệu không yêu cầu nộp thành phần hồ sơ giấy khi thực hiện 25 TTHC đã được cung cấp toàn trình, cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu. **Hoàn thành trước ngày 28/9/2025.**

- Các sở ngành liên quan phối hợp cùng Nhóm công tác Số 3 và các doanh nghiệp đồng hành để hoàn thành quá trình khảo sát tại địa phương, để phục vụ việc đăng ký ngân sách và giải ngân kịp thời các nhiệm vụ trong năm 2025 của Nghị quyết 214/NQ-CP. **Hoàn thành trước ngày 25/9/2025.**

Các phụ lục đánh giá chi tiết về các nhóm: ⁽¹⁾ Đánh giá tiến độ xây dựng các CSDL quốc gia, CSDL chuyên ngành; ⁽²⁾ Rà soát đánh giá các thủ tục hành chính phục vụ cắt giảm; ⁽³⁾ Kinh phí triển khai; ⁽⁴⁾ Đánh giá hiện trạng hạ tầng IOC của 34 địa phương; ⁽⁵⁾ đánh giá an ninh an toàn các hệ thống công nghệ thông tin của các bộ, ngành. ⁽⁶⁾ Nhiệm vụ chậm tiến độ và nhiệm vụ phải thực hiện trong những tháng cuối năm 2025. ⁽⁷⁾ Các nội dung kiến nghị đề xuất của 24 địa phương thuộc trách nhiệm của 15 bộ ngành được đính kèm trong mã Qrcode.



(QRCode đính kèm tài liệu)

